



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

A member of  International

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 32
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 0494/QĐ-BTM ngày 26/03/2007 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300648264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 (sáu) ngày 22/04/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Thế Đức	Chủ tịch	
Ông: Trương Minh Long	Thành viên	
Ông: Vũ Duy Huỳnh	Thành viên	
Ông: Hồ Phi Hiệp	Thành viên	
Bà: Nguyễn Kim Oanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 01/12/2016)
Bà: Lê Thị Thúy Hằng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 01/12/2016)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trương Minh Long	Tổng Giám đốc
Ông: Lương Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Tú Anh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban
Bà: Văn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Phạm Thị Thanh Bình	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trương Minh Long**  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017



Số: 362/2017/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017.

**Hoàng Thúy Nga**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0765-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>235.164.311.947</b>	<b>240.141.135.768</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	44.837.977.177	51.847.674.901
111	1. Tiền		27.769.727.177	19.847.674.901
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.068.250.000	32.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	106.620.269.116	71.286.206.908
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		106.620.269.116	71.286.206.908
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		83.626.026.570	116.858.086.600
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.333.126.052	57.873.864.344
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.842.734.232	16.347.328.712
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	39.000.000.000	39.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.684.542.943	3.963.905.442
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(234.376.657)	(327.011.898)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		80.039.084	149.167.359
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		80.039.084	149.167.359
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>97.569.570.177</b>	<b>104.206.271.473</b>
220	I. Tài sản cố định		20.943.902.693	22.315.020.953
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.194.228.738	12.539.737.174
222	- Nguyên giá		23.893.807.886	23.893.807.886
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.699.579.148)	(11.354.070.712)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.749.673.955	9.775.283.779
228	- Nguyên giá		9.911.978.000	9.911.978.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(162.304.045)	(136.694.221)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	76.394.951.698	81.666.675.898
251	1. Đầu tư vào công ty con		17.947.700.000	17.947.700.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		28.576.942.740	28.576.942.740
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.808.434.258	30.808.434.258
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(938.125.300)	(666.401.100)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		230.715.786	224.574.622
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	230.715.786	224.574.622
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>332.733.882.124</b>	<b>344.347.407.241</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>47.258.341.705</b>	<b>62.161.929.233</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>46.524.092.105</b>	<b>61.928.029.633</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.802.556.254	36.278.685.175
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.116.127.331	1.535.505.932
314	3. Phải trả người lao động		14.010.973.862	14.729.876.798
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.496.912.840	1.280.427.840
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	33.615.082	1.170.496.621
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.063.906.736	6.933.037.267
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>734.249.600</b>	<b>233.899.600</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	734.249.600	233.899.600
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>285.475.540.419</b>	<b>282.185.478.008</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>285.475.540.419</b>	<b>282.185.478.008</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		255.000.000.000	255.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		255.000.000.000	255.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		136.193.960	136.193.960
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.339.346.459	27.049.284.048
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.649.284.048	1.880.024.258
421b	LNST chưa phân phối năm nay		26.690.062.411	25.169.259.790
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>332.733.882.124</b>	<b>344.347.407.241</b>



Nguyễn Thị Tú Trinh  
Người lập biểu



Cao Thị Mỹ Trang  
Kế toán trưởng



Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017




## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	207.637.880.103	427.749.019.355
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		207.637.880.103	427.749.019.355
11	3. Giá vốn hàng bán	20	188.248.172.660	406.155.796.450
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.389.707.443	21.593.222.905
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23.383.685.244	21.991.058.263
22	6. Chi phí tài chính	22	328.000.379	1.372.461.297
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	12.761.435.028	13.814.624.504
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.683.957.280	28.397.195.367
31	9. Thu nhập khác	24	1.360.904.365	1.662.601.820
32	10. Chi phí khác		17.062.167	8.792.051
40	11. Lợi nhuận khác		1.343.842.198	1.653.809.769
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.027.799.478	30.051.005.136
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	4.337.737.067	4.881.745.346
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>26.690.062.411</u>	<u>25.169.259.790</u>

  
Nguyễn Thị Tú Trinh  
Người lập biểu

  
Cao Thị Mỹ Trang  
Kế toán trưởng

  
Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc  
Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		31.027.799.478	30.051.005.136
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(21.364.152.495)	(19.354.461.986)
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		1.371.118.260	1.371.118.260
03	- Các khoản dự phòng		179.088.959	270.585.723
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		65.383.375	(347.547.896)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.979.743.089)	(20.648.618.073)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.663.646.983	10.696.543.150
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		34.747.774.085	40.257.167.605
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	2.974.014.970
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(16.285.271.142)	(68.433.195.863)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.141.164)	24.938.530
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.103.166.729)	(5.283.467.059)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		228.500.000	197.740.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.097.630.531)	(2.401.282.680)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		22.147.711.502	(21.967.541.347)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(111.160.269.116)	(43.795.918.250)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		80.826.206.908	46.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.625.792.550	21.170.363.270
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.708.269.658)	23.374.445.020

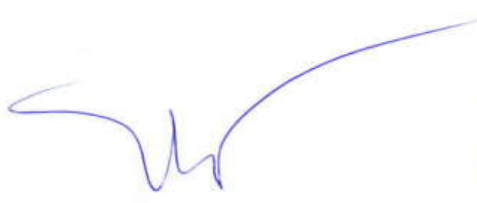
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG


Năm 2016


(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.393.360.000)	(25.474.889.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.393.360.000)	(25.474.889.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.953.918.156)	(24.067.985.827)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		51.847.674.901	75.568.112.832
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(55.779.568)	347.547.896
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>44.837.977.177</u>	<u>51.847.674.901</u>

  
Nguyễn Thị Tú Trinh  
Người lập biểu

  
Cao Thị Mỹ Trang  
Kế toán trưởng

  
Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 0494/QĐ-BTM ngày 26/03/2007 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300648264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 (sáu) ngày 22/04/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 255.000.000.000 đồng; tương đương 25.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Giao nhận, kho vận ngoại thương.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ:

- Giao nhận vận tải hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm, thiết bị cho các cuộc biểu diễn văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, siêu trường, siêu trọng, đồ dùng cá nhân, hàng biếu tặng, hàng mẫu, tài liệu chứng từ bằng các đường hàng không, đường biển, đường sông, đường sắt, đường bộ trong và ngoài nước;
- Đại lý và tổng đại lý cho các hãng hàng không các dịch vụ vận tải hàng không và hành khách. Môi giới thuê và cho thuê tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu các loại hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Thực hiện dịch vụ tư vấn về giao nhận vận tải, xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, thông tin thị trường theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh;
- Bốc xếp hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa đường sắt; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy và nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Ngày 06/04/2016, Công ty đã thực hiện chấm dứt hợp đồng mua dầu của Công ty Shell Việt Nam TNHH và tạm dừng việc cung cấp mặt hàng này cho các khách hàng. Do vậy, doanh thu bán hàng hóa (Thuyết minh số 19) của Công ty trong năm 2016 giảm mạnh so với năm trước. Trước tình hình này, Công ty đã chủ động thay đổi cơ cấu kinh doanh theo hướng tăng cường tỉ trọng nhóm dịch vụ có tỉ xuất lợi nhuận cao như cung cấp dịch vụ cho thuê kho, gửi hàng... Vì vậy, mặc dù doanh thu giảm sút mạnh nhưng lợi nhuận của Công ty tăng so với năm trước.



## Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Dung Quất	Quảng Ngãi	Dịch vụ vận tải đa phương thức
Chi nhánh Cần Thơ	Cần Thơ	Dịch vụ vận tải đa phương thức
Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ vận tải đa phương thức
Chi nhánh Hải Phòng	Hải Phòng	Dịch vụ vận tải đa phương thức
Chi nhánh Quảng Ninh	Quảng Ninh	Dịch vụ vận tải đa phương thức

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính



được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm kế toán	08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không xác định thời hạn	Không khấu hao

#### 2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả về tiền thuê đất được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc ghi nhận các khoản chi phí chi phí thuê đất trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## 2.15. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## 2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:



- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.515.372.065	2.187.593.363
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.254.355.112	17.660.081.538
Các khoản tương đương tiền	17.068.250.000	32.000.000.000
	<b>44.837.977.177</b>	<b>51.847.674.901</b>

Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 17.068.250.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3 %/năm đến 5,2 %/năm.

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>106.620.269.116</b>	<b>106.620.269.116</b>	<b>71.286.206.908</b>	<b>71.286.206.908</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	101.820.269.116	101.820.269.116	66.326.206.908	66.326.206.908
- Vốn đầu tư vào Công ty TNHH SOJITZ Việt Nam (**)	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	160.000.000	160.000.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
	<b>106.620.269.116</b>	<b>106.620.269.116</b>	<b>76.286.206.908</b>	<b>76.286.206.908</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng có tổng giá trị 101.820.269.116 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 9,2%/năm.

(\*\*) Công ty Sojitz Logistics Corporation đang trong quá trình phê duyệt để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vốn và dự tính sẽ hoàn thành trong năm 2017 sau khi ký thanh lý hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư. Do vậy, tại ngày 31/12/2016, Công ty vẫn tiếp tục theo dõi đồng thời giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Logistics Sojitz trên khoản mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tương ứng 48% Vốn điều lệ) và khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tương ứng 1% Vốn điều lệ)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>17.947.700.000</b>	<b>-</b>	<b>17.947.700.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans	17.947.700.000	-	17.947.700.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>28.576.942.740</b>	<b>-</b>	<b>28.576.942.740</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	11.727.226.325	-	11.727.226.325	-
- Công ty TNHH Nissin Logistics	5.488.640.455	-	5.488.640.455	-
- Công ty TNHH Agility	8.376.012.000	-	8.376.012.000	-
- Công ty TNHH Hyundai Vinatrans Logistics	2.985.063.960	-	2.985.063.960	-
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>30.808.434.258</b>	<b>(938.125.300)</b>	<b>30.808.434.258</b>	<b>(666.401.100)</b>
- Công ty Cổ phần Vinafreight (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương)	6.893.204.819	-	6.893.204.819	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	14.040.000.000	-	14.040.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	2.049.724.300	(938.125.300)	2.049.724.300	(666.401.100)
- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	2.042.383.568	-	2.042.383.568	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	5.058.631.771	-	5.058.631.771	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt	624.489.800	-	624.489.800	-
- Công ty TNHH SOJITZ Việt Nam (**)	100.000.000	-	100.000.000	-
	<b>77.333.076.998</b>	<b>(938.125.300)</b>	<b>77.333.076.998</b>	<b>(666.401.100)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*\*) Công ty giữ lại 1% vốn đầu tư vào Công ty TNHH SOJITZ Việt Nam với mục đích nắm giữ lâu dài.



**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans	TP Hồ Chí Minh	92,51%	92,51%	Kinh doanh vận tải đa phương thức

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	TP Hồ Chí Minh	21,70%	21,70%	Kinh doanh vận tải đa phương thức
Công ty TNHH Nissin Logistics	TP Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức
Công ty TNHH Agility	TP Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức
Công ty TNHH Hyundai Vinatrans Logistics	TP Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 30.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinafreight (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương)	TP Hồ Chí Minh	10,86%	10,86%	Giao nhận vận tải quốc tế
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	TP Hà Nội	10,96%	11,08%	Giao nhận vận tải ngoại thương
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	0,01%	0,01%	Dịch vụ ngân hàng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	TP Đà Nẵng	9,67%	9,67%	Giao nhận vận tải ngoại thương
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	TP Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Vận tải hàng không
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt	TP Hồ Chí Minh	5,10%	5,10%	Dịch vụ vận tải đường bộ
Công ty TNHH SOJITZ Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	1,00%	1,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức



**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	3.694.808.678	12.117.900.580
- Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	6.691.837.187	25.812.079.975
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	2.365.488.964	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	14.580.991.223	19.943.883.789
	<b>27.333.126.052</b>	<b>57.873.864.344</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>3.884.877.861</b>	<b>7.701.776.371</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)</i>		

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH SCMC	440.000.000	-	1.600.000.000	-
Các hãng tàu	3.409.675.745	-	2.765.242.880	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	7.993.058.487	-	11.982.085.832	-
	<b>11.842.734.232</b>	<b>-</b>	<b>16.347.328.712</b>	<b>-</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	39.000.000.000	39.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
	<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>

Tại ngày 31/12/2016, các khoản cho vay Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương có tổng giá trị 39.000.000.000 VND thời hạn từ 03 đến 06 tháng. Hình thức đảm bảo là Sổ đỏ quyền sử dụng đất diện tích 894 m<sup>2</sup> tại số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.469.042.943	-	3.115.092.404	-
Ký cược, ký quỹ	1.215.500.000	-	815.500.000	-
Phải thu khác	-	-	33.313.038	-
	<b>5.684.542.943</b>	<b>-</b>	<b>3.963.905.442</b>	<b>-</b>

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH An Khang	-	-	80.400.000	-
Công ty Thương mại dịch vụ vận tải du lịch Gia Huy	-	-	79.200.000	-
Công ty TNHH MTV Vy Hồng Loan	-	-	32.262.780	32.262.780
Công ty Cổ phần Thép QUATRON	334.823.795	100.447.138	334.823.795	167.411.897
	<b>334.823.795</b>	<b>100.447.138</b>	<b>526.686.575</b>	<b>199.674.677</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	11.617.590.058	1.341.052.725	10.860.434.847	74.730.256	23.893.807.886
Số dư cuối năm	<b>11.617.590.058</b>	<b>1.341.052.725</b>	<b>10.860.434.847</b>	<b>74.730.256</b>	<b>23.893.807.886</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	5.467.206.503	434.125.212	5.393.374.901	59.364.096	11.354.070.712
- Khấu hao trong năm	289.382.460	57.993.540	992.973.972	5.158.464	1.345.508.436
Số dư cuối năm	<b>5.756.588.963</b>	<b>492.118.752</b>	<b>6.386.348.873</b>	<b>64.522.560</b>	<b>12.699.579.148</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	6.150.383.555	906.927.513	5.467.059.946	15.366.160	12.539.737.174
Tại ngày cuối năm	<b>5.861.001.095</b>	<b>848.933.973</b>	<b>4.474.085.974</b>	<b>10.207.696</b>	<b>11.194.228.738</b>



**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	9.623.759.000	288.219.000	9.911.978.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.623.759.000</b>	<b>288.219.000</b>	<b>9.911.978.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	136.694.221	136.694.221
- Khấu hao trong năm	-	25.609.824	25.609.824
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>162.304.045</b>	<b>162.304.045</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	9.623.759.000	151.524.779	9.775.283.779
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>9.623.759.000</b>	<b>125.914.955</b>	<b>9.749.673.955</b>

(\*) Là Quyền sử dụng đất tại lô A8, đường Trường Sơn, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh đang được Công ty sử dụng làm Văn phòng làm việc.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	230.715.786	224.574.622
	<b>230.715.786</b>	<b>224.574.622</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Vận Tải Thương mại - Dịch vụ Trần Bình An	6.693.132.592	6.693.132.592	9.263.929.403	9.263.929.403
- Doanh nghiệp tư nhân vận tải Thuận Phong	-	-	14.096.780.369	14.096.780.369
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Vận tải Trung Đạt	305.195.710	305.195.710	1.106.600.000	1.106.600.000
- Công ty TNHH Vận tải Phi Châu	1.724.760.734	1.724.760.734	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	11.079.467.218	11.079.467.218	11.811.375.403	11.811.375.403
	<b>19.802.556.254</b>	<b>19.802.556.254</b>	<b>36.278.685.175</b>	<b>36.278.685.175</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	<b>1.169.653.700</b>	<b>1.169.653.700</b>	<b>406.330.000</b>	<b>406.330.000</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	240.721.366	18.557.675.429	18.219.768.977	-	-	-	-	-	578.627.818
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	97.188.397	97.188.397	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.159.962.693	4.337.737.067	4.103.166.729	-	-	-	-	-	1.394.533.031
Thuế thu nhập cá nhân	-	134.821.873	1.108.272.211	1.100.127.602	-	-	-	-	-	142.966.482
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	4.829.019.554	4.829.019.554	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	26.684.200	26.684.200	-	-	-	-	-	-
	<b>-</b>	<b>1.535.505.932</b>	<b>28.956.576.858</b>	<b>28.375.955.459</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.116.127.331</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền thuê đất trích trước	2.496.912.840	1.280.427.840
	<b>2.496.912.840</b>	<b>1.280.427.840</b>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Cổ tức lợi nhuận phải trả	31.750.500	25.110.500
Nhận ký quỹ, ký cược	-	74.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.864.582	1.071.136.121
- Các chi phí vận chuyển phải trả	-	692.279.946
- Phải trả, phải nộp khác	1.864.582	378.856.175
	<b>33.615.082</b>	<b>1.170.496.621</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	734.249.600	233.899.600
	<b>734.249.600</b>	<b>233.899.600</b>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>136.193.960</b>	<b>29.543.715.258</b>	<b>284.679.909.218</b>
Lãi trong năm trước	-	-	25.169.259.790	25.169.259.790
Tăng theo quyết toán thuế năm 2014	-	-	836.309.000	836.309.000
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>136.193.960</b>	<b>27.049.284.048</b>	<b>282.185.478.008</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>136.193.960</b>	<b>27.049.284.048</b>	<b>282.185.478.008</b>
Lãi trong năm nay	-	-	26.690.062.411	26.690.062.411
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>136.193.960</b>	<b>30.339.346.459</b>	<b>285.475.540.419</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 11/2016/HĐQT - VNT ngày 25/03/2016, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	25.169.259.790
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	3.000.000.000
Chi trả cổ tức	20.400.000.000
Tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 VND/ Cổ phiếu	

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam -CTCP	243.193.000.000	95,37%	243.193.000.000	95,37%
Các cổ đông khác	11.807.000.000	4,63%	11.807.000.000	4,63%
<b>Cộng</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	255.000.000.000	255.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>255.000.000.000</i>	<i>255.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>255.000.000.000</i>	<i>255.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.400.000.000	25.500.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>20.400.000.000</i>	<i>25.500.000.000</i>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.500.000	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.500.000	25.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.500.000</i>	<i>25.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.500.000	25.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.500.000</i>	<i>25.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		



**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
USD	704.064,16	285.672,25
EUR	-	206,68

**19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	707.885.765	108.009.257.127
Doanh thu cung cấp dịch vụ	206.929.994.338	319.739.762.228
	<b>207.637.880.103</b>	<b>427.749.019.355</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b> ( Xem chi tiết tại thuyết minh 30 )	<b>26.756.312.981</b>	<b>21.570.730.053</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	786.142.299	107.539.887.256
Giá vốn dịch vụ	187.462.030.361	298.615.909.194
	<b>188.248.172.660</b>	<b>406.155.796.450</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.376.420.477	9.009.434.968
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.603.322.612	11.639.183.105
Lãi chênh lệch tỷ giá	403.942.155	1.342.440.190
	<b>23.383.685.244</b>	<b>21.991.058.263</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	56.276.179	1.174.843.697
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	271.724.200	197.617.600
	<b>328.000.379</b>	<b>1.372.461.297</b>

### 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.881.818	112.896.058
Chi phí nhân công	6.381.635.440	5.796.258.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.798.217	302.534.696
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(92.635.241)	72.968.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.620.751.108	2.783.992.473
Chi phí khác bằng tiền	3.537.003.686	4.745.975.029
	<b>12.761.435.028</b>	<b>13.814.624.504</b>

### 24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu tiền điện nước	-	350.869.965
Thu nhập từ quản lý thông tin	1.306.665.455	1.306.665.455
Tiền thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	38.181.818	-
Cho thuê xe	10.909.092	-
Các khoản khác	5.148.000	5.066.400
	<b>1.360.904.365</b>	<b>1.662.601.820</b>

### 25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	31.027.799.478	30.051.005.136
Các khoản điều chỉnh tăng	3.571.040.355	4.223.954.216
- Chi phí không hợp lệ	3.571.040.355	4.223.954.216
Các khoản điều chỉnh giảm	(13.026.174.678)	(12.085.207.780)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(12.603.322.612)	(11.639.183.105)
- Chênh lệch do đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(263.252.066)	(446.024.675)
- Hoàn nhập dự phòng	(159.600.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	21.572.665.155	22.189.751.572
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.314.533.031</b>	<b>4.881.745.346</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	23.204.036	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.159.962.693	2.435.304.406
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.103.166.729)	(6.157.087.059)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.394.533.031</b>	<b>1.159.962.693</b>



## 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.496.366	209.678.718
Chi phí nhân công	30.328.762.880	28.613.935.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.371.118.260	1.371.118.260
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(92.635.241)	72.968.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.689.548.121	274.185.533.254
Chi phí khác bằng tiền	3.805.175.003	7.952.361.524
	<b>200.223.465.389</b>	<b>312.405.595.168</b>

## 27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.837.977.177	-	51.847.674.901	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.017.668.995	(234.376.657)	61.837.769.786	(327.011.898)
Các khoản cho vay	140.820.269.116	-	110.486.206.908	-
Đầu tư ngắn hạn	4.800.000.000	-	4.800.000.000	-
Đầu tư dài hạn	30.808.434.258	(938.125.300)	30.808.434.258	(666.401.100)
<b>Cộng</b>	<b>254.284.349.546</b>	<b>(1.172.501.957)</b>	<b>259.780.085.853</b>	<b>(993.412.998)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	20.570.420.936	37.683.081.396
Chi phí phải trả	2.496.912.840	1.280.427.840
<b>Cộng</b>	<b>23.067.333.776</b>	<b>38.963.509.236</b>

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND		VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.837.977.177	-	-	44.837.977.177
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.783.292.338	-	-	32.783.292.338
Các khoản cho vay	140.820.269.116	-	-	140.820.269.116
Đầu tư ngắn hạn	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	29.870.308.958	29.870.308.958
<b>Cộng</b>	<b>223.241.538.631</b>	<b>-</b>	<b>29.870.308.958</b>	<b>253.111.847.589</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.847.674.901	-	-	51.847.674.901
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.510.757.888	-	-	61.510.757.888
Các khoản cho vay	105.486.206.908	5.000.000.000	-	110.486.206.908
Đầu tư ngắn hạn	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	30.142.033.158	30.142.033.158
<b>Cộng</b>	<b>223.644.639.697</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>30.142.033.158</b>	<b>258.786.672.855</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	19.836.171.336	734.249.600	20.570.420.936
Chi phí phải trả	2.496.912.840	-	2.496.912.840
<b>Cộng</b>	<b>22.333.084.176</b>	<b>734.249.600</b>	<b>23.067.333.776</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	37.449.181.796	233.899.600	37.683.081.396
Chi phí phải trả	1.280.427.840	-	1.280.427.840
<b>Cộng</b>	<b>38.729.609.636</b>	<b>233.899.600</b>	<b>38.963.509.236</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

## 29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là giao nhận kho vận ngoại thương chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu dịch vụ vận chuyển giao nhận</b>			
- Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	29.890.918	50.375.858
- Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết	172.520.400	251.410.444
- Công ty TNHH Nissin Logistics	Công ty liên kết	9.002.767.972	10.097.232.282
- Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	6.983.394.684	11.171.711.469
- Công ty TNHH SOJITZ Việt Nam	Công ty đầu tư	10.567.739.007	-





Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Mua dịch vụ</b>			
- Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	3.815.946.783	3.872.567.018
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	7.211.329	29.440.000
- Công ty TNHH Nissin Logistics	Công ty liên kết	28.320.080	85.844.276
- Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết	315.000	74.025.000
<b>Cổ tức đã trả</b>			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	19.455.440.000	24.319.300.000
<b>Doanh thu hoạt động tài chính - Lãi cho vay</b>			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	338.541.667	2.828.444.442
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>			
- Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	2.775.400.000	925.200.000
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	1.472.803.927	1.831.306.599
- Công ty TNHH Nissin Logistics	Công ty liên kết	3.661.518.685	3.024.076.506
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
<b>Phải thu khác - tiền lãi cho vay</b>			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	43.333.333
<b>Phải thu gốc cho vay</b>			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam -CTCP	Công ty mẹ	-	15.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	2.365.488.964	3.124.856.573
- Công ty TNHH Nissin Logistics	Công ty liên kết	1.519.388.897	4.576.919.798
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>			
- Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con	1.169.653.700	393.130.000
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết	-	13.200.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT		1.464.000.000	1.143.840.000

### 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Tú Trinh  
Người lập biểu



Cao Thị Mỹ Trang  
Kế toán trưởng



Trương Minh Long  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017

